



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM  
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635  
TELEPHONE: \_\_\_\_\_

IV#: \_\_\_\_\_

VEWL#: \_\_\_\_\_

I-171: \_\_\_\_\_ Y \_\_\_\_\_ NO

EXIT VISÁ #: \_\_\_\_\_

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM  
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM TIÊU VINH HIEN  
Last Middle First

Current Address: 563/17 NGUYEN DINH CHIEU Q3 T.P. H.C.M.

Date of Birth: 1940 Place of Birth: LONG AN

Previous Occupation (before 1975) MAJOR  
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 1975 To 1988  
Years: 13 Months: \_\_\_\_\_ Days: \_\_\_\_\_

3. SPONSOR'S NAME: \_\_\_\_\_  
Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

| <u>Name, Address &amp; Telephone Number</u> | <u>Relationship</u> |
|---------------------------------------------|---------------------|
| <u>TUAN C. LE</u>                           | <u>FRIEND</u>       |
| <u>BURKE, VA. 22015</u>                     |                     |

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: 2/10/91

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : TIEU VINH HIEN  
(Listed on page 1)

| NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES | DATE OF BIRTH | RELATIONSHIP TO PA. |
|------------------------------------------|---------------|---------------------|
| NGUYEN THI TUI                           | 1946          | WIFE                |
| TIEU NGOC NGUYEN THANH                   | 1973          | DAUGHTER            |
| TIEU TRONG NGUYEN                        | 1974          | SON                 |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

\_\_\_\_\_

\_\_\_\_\_

6. ADDITIONAL INFORMATION :

Toan C. Le

Burke, VA 22015



MAY 09 1989

TO: THIO KHUC MINH

D.O. BOX 5435

ARLINGTON - VA. 22205-0635

THÀNH-PHỐ HỒ-CHÍ-MINH  
ỦY-BAN NHÂN-DÂN

**BẢN-SAO KHAI-SANH**

Số hiệu : 523

Năm : 1974

Quận

Xã

Lập ngày 19 tháng 3 năm 1974

|                       |                     |
|-----------------------|---------------------|
| Họ tên                | TIEU TRỌNG NGUYEN   |
| Trai hay gái          | Trai                |
| Ngày, tháng, năm sanh | 18 tháng 3 năm 1974 |
| Nơi sanh              | 75A Cao Thắng       |
| Họ tên, quốc tịch cha | TIEU VINH HIEN      |
| Họ tên, quốc tịch mẹ  | NGUYEN THI TUOI     |

SAO LỤC 5 7

Thành-phố HỒ-CHÍ-MINH, ngày tháng năm 1974

THỦY-VIÊN HỘ-TỊCH



*Phan Văn Chung*

THÀNH-PHỐ HỒ-CHÍ-MINH  
ỦY-BAN NHÂN-DÂN

Quận 3  
Xã BỘ

## BẢN-SAO KHAI-SANH

Số hiệu : 426  
Năm : 1973

Lập ngày 19 tháng 2 năm 1973

|                       |                               |
|-----------------------|-------------------------------|
| Họ tên                | <b>TIÊU NGỌC NGUYỄN THANH</b> |
| Trai hay gái          | <b>Gái</b>                    |
| Ngày, tháng, năm sanh | <b>17 tháng 2 năm 1973</b>    |
| Nơi sanh              | <b>75A Cao Thắng</b>          |
| Họ tên, quốc tịch cha | <b>TIÊU VINH HIẾN</b>         |
| Họ tên, quốc tịch mẹ  | <b>NGUYỄN THỊ TUOI</b>        |

SAO LỤC  
Thành-phố HỒ-CHÍ-MINH, ngày 3 tháng 5 năm 197 7  
ỦY-VIÊN HỘ-TỊCH



*[Signature]*  
**Phan - Văn - Chung**

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 001-QLTĐ, ban hành theo tổng văn số 2585 ngày 27 tháng 11 năm 1972

Trại

Số

Trại 001

/HS

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|

SUSLD

## GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ:

Thi hành án văn, quyết định tha số 64 ngày 4 tháng 2 năm 1988

của BỘ NỘI VỤ

Nay cấp giấy thả cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh Tiêu Vinh Hiền

Sinh năm 19 40

Các tên gọi khác

Nơi sinh Tống Sơn

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt 563/17 Phan Đình Phùng Q. TP HCM

Can tội Thiếu tá cảnh sát ngụy

Bị bắt ngày 14/6/73

Án phạt TRU

Theo quyết định, án văn số          ngày          tháng          năm          của         

Đã bị tăng án          lần, cộng thành          năm          tháng         

Đã được giảm án          lần, cộng thành          năm          tháng         

Nay về cư trú tại 563/17 Phan Đình Phùng Quận 3 TP HCM

Nhận xét quá trình cải tạo

Quá trình cải tạo ở trại anh hiền có cố gắng.

Trong học tập lao động có chấp hành nội qui của trại.

Tiến cử muốn về cấp đi tù trại về tận gia đình.

Đương sự phải trình diện tại UBND Phường xã: Hội An Tru

Trước ngày 15 tháng 2 năm 1988

Lưu tại ngăn trở phải

Của Tiêu Vinh Hiền

Danh đơn số         

Lưu tại         

(Họ tên, chữ ký người được cấp giấy)

Whe

Tiêu Vinh Hiền

Ngày 13 tháng 2 năm 1988

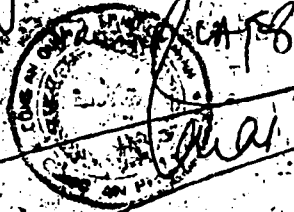
Trưởng trại

Chín rõ họ tên? cấp bậc, chức vụ)

Thuyền tay 32

Công an phường 8.  
Đường Sư tử đến Trĩnh di  
Tài CPH -

ngày 15-2-88



Nguyễn Thái

Số 4416

THÀNH

Ngày 15-2-88

THỊ TỶ ĐÀN NHÂN DÂN PH 03

QUẬN 1 CHU TỊCH



Nguyễn Thái

## Basic Identification Data

NAME : TIÊU VINH HIÊN

Date of Birth: 03.12.1940

Place of Birth: Long An

Sex : male

Address : 563/17 Nguyễn Đình Chiểu Quận 3  
Thành phố Hồ Chí Minh

Length of Reeducation : 14.6.75 to 13.2.1988

Place of Reeducation :

- Long Thanh camp from 14.6.75 to 4.10.1975
- Thủ Đức camp from 4.10.75 to 4.8.1976
- Nam Hải camp from 4.8.76 to 2.1.1981  
(Hanoi Ninh Province)
- Z.30C camp from 2.1.1981 to 9.11.1985  
(Hanoi - Thuận Hải province)
- Z.30D camp from 9.11.1985 to 13.2.1988

Overseas Training course: Special Branch training  
course 1/66 at Kuala Lumpur in Malaysia

Rank : Major of National Police

Position : Staff officer for Assistant Commander  
of NP in charge of Pacification and Development

Application for ODP :

Mailing address in VN :

563/17 Nguyễn Đình Chiểu  
Quận Ba

Thành phố Hồ Chí Minh.

Note

IBM Payroll number : 28630

ID card number : 00455466 in JAN 31<sup>th</sup> 1966 at Kiên Tường

*llke*



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN**

Số: ~~02.111.3302~~

Họ tên **TIỀN VINH HIẾN**

Sinh ngày **03-12-1940**

Nguyên quán **Thủ Thừa,**

**Long An.**

Nơi thường trú **Số 17 Ng. Đinh**  
**Chiêu, P8, Q3, TP. Hồ Chí Minh.**

|                                                                                    |           |                                                                                                                         |  |
|------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
| Dân tộc: Kinh                                                                      |           | Tôn giáo: Phật                                                                                                          |  |
|  | NGÓN TRÁI | DẤU VẾT TIỀN HOẶC DI HÌNH                                                                                               |  |
|                                                                                    |           | Sẹo chấm cách 3cm<br>trên sau mép trái.                                                                                 |  |
|  | NGÓN PHẢI | <p>Năm 21 tháng 6 năm 1988</p> <p>CHỖ CHẤM DẤU ĐẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN</p> <p><i>Cham</i></p> <p><i>Đã Việt Chanh</i></p> |  |

# THAY ĐỔI CHỖ Ở CÁ HỘ

Chứng nhận đã chuyển đến ở : .....

Chứng nhận đã chuyển đến ở : .....

Từ ngày .... tháng .... năm .....

Từ ngày .... tháng .... năm .....

Ký tên, đóng dấu

Ký tên, đóng dấu

Chứng nhận đã chuyển đến ở : .....

Chứng nhận đã chuyển đến ở : .....

Từ ngày .... tháng .... năm .....

Từ ngày .... tháng .... năm .....

Ký tên, đóng dấu

Ký tên, đóng dấu

## NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC

Chức vụ nay giữ là: Giám đốc phòng kế toán



Tổng tài: Nguyễn Văn Linh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

# GIẤY CHỨNG NHẬN HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số: 312945 CN

Họ và tên chủ hộ: TIÊU THỊ TRƯỚC

Ấp, ngõ, số nhà: 563/17\*

Thị trấn, đường phố: Nguyễn Linh Chiểu

Xã, phường: PHƯỜNG HAI

Huyện, quận: 3

Ngày 10 tháng 3 năm 1982

Trưởng công an: 3

(Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)



Số NK 3: .....

NGUYỄN VĂN LINH

## NHỮNG NGƯỜI THƯỜNG TRÚ TRONG HỘ

| Số thứ tự | HỌ VÀ TÊN              | Quan hệ với chủ hộ | Nam hay nữ | Ngày tháng năm sinh | Số giấy CMND |
|-----------|------------------------|--------------------|------------|---------------------|--------------|
| 1         | 2                      | 3                  | 4          | 5                   | 6            |
| 1         | Tiền Thị Xuân          | Chú họ             | Nữ         | 1930                | 020571508    |
| 2         | Nguyễn Thị Tiểu        | có mặt             | Nữ         | 1945                | 020257989    |
| 3         | Tiền Quốc Chương       | Còn                | Nam        | 1956                | 0201511302   |
| 4         | Tiền Ngọc Nguyễn Thanh | Con                | Nữ         | 1973                | 022495911    |
| 5         | Tiền Công Nguyễn       | Con                | Nam        | 1974                |              |
| 6         | Tiền Thị Phan          | Chi                | Nữ         | 1925                | 020571507    |
| 7         | Tiền Vĩnh Kiên         | Ông                | Nam        | 1920                | 022495902    |

VIỆT - NAM CỘNG - HÒA

TỈNH LONG AN

Thị-Thu

QUẬN

Xã Bình Phong Thạnh

Số hiệu 15

# TRÍCH - LỤC CHỨNG - THƯ HÔN - THÚ

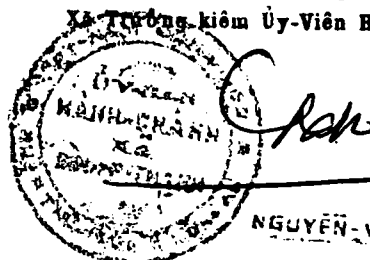
Lập ngày 19 tháng 02 năm 1972

Tên họ chồng : TIÊU-VĂN-HIỂN  
Ngày và nơi sanh : 3-12-1940 Bình Phong Thạnh (Tân-An)  
Tên họ cha chồng : TIÊU-VĂN-DIÊN (sống/chết)  
Tên họ mẹ chồng : Đặng-thị-Hồ (sống/chết)  
Tên họ vợ : NGUYỄN-THỊ-TUCCI  
Ngày và nơi sanh : 26-6-1946 Mỹ-Phước (Long-Xuyôn)  
Tên họ cha vợ : NGUYỄN-VĂN-TỈNH (sống/chết)  
Tên họ mẹ vợ : Dương-thị-Huê (sống/chết)  
Ngày lập hôn thú : ngày 19-2-1972  
Có lập hôn khế không : //

TRÍCH LỤC Y BẢN CHÍNH,

Bình Phong Thạnh, ngày 20 tháng 7 năm 1973

Xã Trưởng kiêm Ủy-Viên Hộ-Tịch,



NGUYỄN-VĂN-CHÂN

VIỆT-NAM CỘNG-HOÀ  
République du Viêt-Nam

BỘ TƯ- PHÁP  
Département de la Justice

SỞ TƯ- PHÁP NAM- PHÂN  
Service Judiciaire du Sud Viêt-Nam

Đức/3

PHÒNG LỤC-SỰ TOÀ H. T. R. Q. LONG AN

(GREFFE DU TRIBUNAL DE \_\_\_\_\_)

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH Làng Bình Phong Thạnh (Tân-An)  
(Extrait du registre des actes de naissance)

(NAM-PHÂN)  
(Sud-Vietnam)

NĂM 1940  
(Année)

SỐ HIỆU 304  
(Acte No)

|                                                    |                  |
|----------------------------------------------------|------------------|
| Tên, họ đứa con nít<br>(Nom et prénom de l'enfant) | Tiêu vinh Hiên   |
| Nam, nữ<br>(Sexe de l'enfant)                      | Nam              |
| Sanh ngày nào<br>(Date de naissance)               | 3-12-1940        |
| Sanh tại chỗ nào.<br>(Lieu de naissance)           | Bình Phong Thạnh |
| Tên, họ cha<br>(Nom et prénom du père)             | Tiêu văn Diển    |
| Cha làm nghề gì.<br>(Sa profession)                | Buôn bán         |
| Nhà cửa ở đâu<br>(Son domicile)                    | Bình Phong Thạnh |
| Tên, họ mẹ.<br>(Nom et prénom de la mère)          | Đặng thị Hổ      |
| Mẹ làm nghề gì.<br>(Sa profession)                 | Buôn bán         |
| Nhà cửa ở đâu<br>(Son domicile)                    | Bình Phong Thạnh |
| Vợ chánh hay thứ<br>(Son rang de femme mariée)     | Vợ chánh         |

Chúng tôi, Trương kim Thạch  
(Nous) \_\_\_\_\_

Chánh-án Toà Long-An  
(Président du Tribunal)

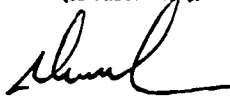
chứng cho hợp-pháp chữ ký tên của  
(Certifions l'authenticité de la signature de)

Ông Ông văn Thành  
(M.) \_\_\_\_\_

Chánh Lục-sự Toà-án sở tại.  
(Greffier en Chef dudit Tribunal).

Long-An, ngày II.8.1967

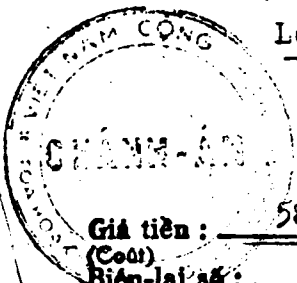
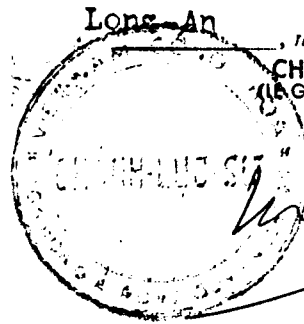
CHÁNH-ÁN,  
(LE PRÉSIDENT).



Trích y bản chánh  
(Pour extrait conforme),

Long-An, ngày II.8.1967

CHÁNH LỤC-SỰ,  
(LE GREFFIER EN CHEF).



Giá tiền: 5\$00  
(Cost)  
Biên-lai số: 15030  
(Quittance No)

# KHAI SANH

Số hiệu 124

|                            |                                 |
|----------------------------|---------------------------------|
| Tên, họ như nhl:           | NGUYEN-THI-TUOI                 |
| Phái:                      | HỮ                              |
| Sinh                       | 26 JULIN 1946                   |
| Ngày, tháng, năm           |                                 |
| Tên                        | Mỹ-Phước                        |
| Cha                        | NGUYEN-VAN-TINH                 |
| Tên họ                     |                                 |
| Tuổi                       |                                 |
| Nghề-nghiệp                | Comptable à l'inspection        |
| Cư-trú tại                 | Mỹ-Phước                        |
| Me                         | DUONG-THI-HUE                   |
| Tên họ                     |                                 |
| Tuổi                       |                                 |
| Nghề-nghiệp                | Sans Profession                 |
| Cư-trú tại                 | Mỹ-Phước                        |
| Vợ                         | Vợ Chánh                        |
| Người khai                 | NGUYEN-VAN-TINH                 |
| Tên họ                     |                                 |
| Tuổi                       | 50 ans                          |
| Nghề-nghiệp                | Comptable à l'inspection        |
| Cư-trú tại                 | Mỹ-Phước                        |
| Ngày khai                  |                                 |
| Người chứng thư nhứt       | NGUYEN-VAN-HUU                  |
| Tên họ                     |                                 |
| Tuổi                       | 41 ans                          |
| Nghề nghiệp                | Cultivateur                     |
| Cư-trú tại                 | Mỹ-Phước                        |
| Người chứng thư nhl        | NGUYEN-VAN-THUAN dit Mãng       |
| Tên họ                     |                                 |
| Tuổi                       | 50 ans                          |
| Nghề                       | Séretaire Principal en retraite |
| Cư trú tại                 | Mỹ-Phước                        |
| Long-xuyen le 29 juin 1946 |                                 |

Làm tại Mỹ-Phước ngày 1 tháng 6 năm 1946  
 Người khai họ lại nhân chứng

NGUYEN-VAN-TINH (Ký tên) (Ký tên) NGUYEN-VAN-HUU (Ký  
 DANG-VAN-PIAT NGUYEN-VAN-THUAN

48  
 8 12  
 1946

# CONTROL

\_\_\_\_ Card  
\_\_\_\_ Doc. Request; Form  
\_\_\_\_ Release Order  
\_\_\_\_ Computer  
✓ Form "P" + letter 2/12/11  
\_\_\_\_ ODP/Date. \_\_\_\_\_  
\_\_\_\_ Membership; Letter

---